

STT	Mã KT	DANH MỤC KỸ THUẬT
		<b>XI. BÔNG</b>
		<b>A. ĐIỀU TRỊ BÔNG</b>
		<b>1. Thay băng bông</b>
1	11_5	Thay băng điều trị vết bông dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn
2	11_10	Thay băng điều trị vết bông dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em
3	11_12	Thay băng và chăm sóc vùng lấy da
		<b>2. Phẫu thuật, thủ thuật điều trị bông</b>
4	11_15	Rạch hoại tử bông giải thoát chèn ép
5	11_16	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bông sâu
6	11_19	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bông sâu dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn
7	11_22	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bông sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em
8	11_24	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bông sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở người lớn
9	11_25	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bông sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn
10	11_27	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bông sâu từ 1% - 3% diện tích cơ thể ở trẻ em
11	11_28	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bông sâu dưới 1% DTCT ở trẻ em
12	11_31	Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn
13	11_34	Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em
14	11_38	Ghép da tự thân mắt lưới (mesh graft) dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em (từ 3% - < 5% DTCT)
15	11_42	Ghép da tự thân tem thư (post stam graft) dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em (từ 3% - < 5% DTCT)
16	11_61	Phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf- krause dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bông sâu
17	11_63	Phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf- krause dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em điều trị bông sâu
18	11_64	Cắt hoại tử toàn lớp – khâu kín $\geq$ 3% diện tích cơ thể ở người lớn
19	11_65	Cắt hoại tử toàn lớp – khâu kín dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn
20	11_66	Cắt hoại tử toàn lớp – khâu kín $\geq$ 1% diện tích cơ thể ở trẻ em
21	11_67	Cắt hoại tử toàn lớp – khâu kín dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em
22	11_68	Phẫu thuật chuyên vạt da tại chỗ điều trị bông sâu
23	11_73	Cắt cụt chi thể bông không còn khả năng bảo tồn điều trị bông sâu
24	11_74	Tháo khớp chi thể bông không còn khả năng bảo tồn điều trị bông sâu
25	11_75	Phẫu thuật khoan đục xương, lấy bỏ xương chết trong điều trị bông sâu
		<b>3. Các kỹ thuật khác</b>
26	11_77	Khám bệnh nhân bông, chẩn đoán diện tích và độ sâu bông bằng lâm sàng
27	11_79	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bông nhiệt
28	11_80	Xử lý tại chỗ kì đầu tổn thương bông
29	11_81	Sơ cấp cứu bông do vôi tôi nóng
30	11_82	Sơ cấp cứu bông acid
31	11_83	Sơ cấp cứu bông do dòng điện
32	11_84	Chẩn đoán và điều trị sốc bông
33	11_87	Mở khí quản cấp cứu qua tổn thương bông
34	11_89	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bông
35	11_90	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi để truyền dịch điều trị bệnh nhân bông
36	11_100	Hút áp lực âm (VAC) liên tục trong 24h điều trị vết thương, vết bông
37	11_101	Hút áp lực âm (VAC) liên tục trong 48h điều trị vết thương, vết bông
		<b>B. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH, THẨM MỸ TRONG BÔNG VÀ SAU BÔNG</b>
38	11_102	Khám di chứng bông
39	11_103	Cắt sẹo khâu kín
40	11_104	Cắt sẹo ghép da mảnh trung bình
41	11_105	Cắt sẹo ghép da dày toàn lớp kiểu wolf- krause
42	11_109	Kỹ thuật tạo vạt da có cuống mạch liên điều trị sẹo bông
43	11_111	Kỹ thuật tạo vạt da chữ Z điều trị sẹo bông
44	11_115	Kỹ thuật tạo vạt da tại chỗ điều trị sẹo bông
		<b>C. ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG MẠN TÍNH</b>
45	11_116	Thay băng điều trị vết thương mạn tính
46	11_117	Hút áp lực âm (VAC) liên tục trong 24h điều trị vết thương mạn tính
47	11_118	Hút áp lực âm (VAC) trong 48h điều trị vết thương mạn tính
		<b>D. VẬT LÝ TRỊ LIỆU, PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TRONG BÔNG</b>
48	11_130	Tập vận động cho bệnh nhân đang điều trị bông để dự phòng cứng khớp và co kéo chi thể (30 phút)
49	11_131	Đặt vị thế cho bệnh nhân bông
		<b>G. ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG MẠN TÍNH</b>
50	11_159	Cắt lọc hoại tử ổ loét vết thương mạn tính

STT	Mã KT	DANH MỤC KỸ THUẬT
51	11_160	Phẫu thuật chuyên vạt da tại chỗ điều trị vết thương mạn tính
52	11_161	Phẫu thuật cắt đáy ổ loét mạn tính, khâu kín
53	11_162	Phẫu thuật ghép da mảnh điều trị vết thương mạn tính
54	11_163	Kỹ thuật tạo vạt da có nối mạch dưới kính hiển vi phẫu thuật điều trị vết thương mạn tính
55	11_164	Kỹ thuật sử dụng vạt da nhánh xuyên có cuống mạch liên điều trị vết thương mạn tính
56	11_165	Kỹ thuật sử dụng vạt da nhánh xuyên động mạch nông trên điều trị loét cùn cụt
57	11_166	Kỹ thuật tạo vạt da có cuống mạch liên điều trị vết thương mạn tính
58	11_176	Kỹ thuật xoay chuyển bệnh nhân dự phòng loét tỳ đè
59	11_178	Kỹ thuật bơm rửa liên tục trong điều trị vết thương mạn tính phức tạp
60	11_179	Kỹ thuật đặt dẫn lưu dự phòng nhiễm khuẩn tại chỗ vết thương mạn tính
61	11_180	Kỹ thuật sử dụng băng chun băng ép trong điều trị vết loét do giãn tĩnh mạch chi dưới